

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH **CÔNG TY MẸ**

QUÝ 1 NĂM 2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,160,184,048,424	641,963,391,614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	126,714,933,704	99,849,241,355
1. Tiền	111		116,714,933,704	88,949,241,355
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	10,900,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18,376,791,095	18,376,791,095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	49,900,000,000	49,900,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	6	(31,523,208,905)	(31,523,208,905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		858,934,829,917	391,339,580,476
1. Phải thu khách hàng	131		124,119,307,465	66,066,421,422
2. Trả trước cho người bán	132		4,431,569,621	4,577,516,002
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		723,669,825,877	204,918,018,278
4. Các khoản phải thu khác	135	7	8,328,526,954	119,847,884,774
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,614,400,000)	(4,070,260,000)
IV. Hàng tồn kho	140	8	99,297,029,446	84,122,531,956
1. Hàng tồn kho	141		99,297,029,446	84,122,531,956
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56,860,464,262	48,275,246,732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,392,561,612	45,000,000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53,121,162,006	47,997,201,766
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		71,200,711	71,200,711
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		275,539,933	161,844,255
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		906,653,124,922	909,187,877,288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18,930,229,527	18,930,229,527
1. Phải thu nội bộ dài hạn	212		18,930,229,527	18,930,229,527
II. Tài sản cố định	220		147,950,220,587	143,730,529,393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	37,765,612,081	30,716,264,856
- Nguyên giá	222		77,924,460,058	64,049,449,901
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40,158,847,977)	(33,333,185,045)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	100,235,345,790	100,264,961,541
- Nguyên giá	228		100,680,022,269	100,623,664,269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(444,676,479)	(358,702,728)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	9,949,262,716	12,749,302,996
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		558,721,703,305	563,273,403,305
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	415,861,746,056	420,413,446,056
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	30,859,957,249	30,859,957,249
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	14	112,000,000,000	112,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		181,050,971,503	183,253,715,063
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	180,030,971,503	182,233,715,063
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,020,000,000	1,020,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,066,837,173,346	1,551,151,268,902

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		873,364,159,296	380,220,247,618
I. Nợ ngắn hạn	310		856,525,891,647	363,332,898,194
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	534,423,243,273	50,027,681,743
2. Phải trả người bán	312		198,616,088,291	166,793,170,650
3. Người mua trả tiền trước	313		4,878,102,522	895,225,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5,484,568,515	6,349,349,569
5. Phải trả người lao động	315		12,978,508,167	12,492,674,687
6. Chi phí phải trả	316		4,919,575,575	562,296,753
7. Phải trả nội bộ	317		18,029,301,946	43,568,746,838
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		34,922,137,173	36,130,986,770
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		42,274,366,185	46,512,766,184
II. Nợ dài hạn	330		16,838,267,649	16,887,349,424
1. Phải trả dài hạn khác	333		53,500,000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	16,782,854,555	16,782,854,555
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,913,094	104,494,869
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1,193,473,014,050	1,170,931,021,284
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1,193,473,014,050	1,170,931,021,284
1. Vốn điều lệ	411		698,420,000,000	698,420,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128,358,940,301	128,358,940,301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		33,678,648,352	33,678,648,352
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,150,605,990)	(9,150,605,990)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(12,929,633)	22,812,736
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		65,617,423,944	65,617,423,945
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		276,561,537,076	253,983,801,940
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		2,066,837,173,346	1,551,151,268,902

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/03/2012	31/12/2011
1. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Đồng	-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng	-	-
3. Ngoại tệ các loại	USD	248,394.56	493,137.08

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2012	Quý 1/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	493,564,454,486	299,831,916,071
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		493,564,454,486	299,831,916,071
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	460,847,351,919	269,510,681,553
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32,717,102,567	30,321,234,518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	27,225,881,773	43,415,853,112
7. Chi phí tài chính	22	22	5,376,061,563	6,609,370,578
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,350,593,371	7,222,079,455
8. Chi phí bán hàng	24		11,505,068,558	9,240,757,321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,813,018,429	13,575,043,408
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		26,248,835,790	44,311,916,323
11. Thu nhập khác	31		2,000,255	61,645,753,886
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2,000,255	61,645,753,886
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26,250,836,045	105,957,670,209
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	3,673,100,909	4,977,570,772
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(2,591,873,071)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22,577,735,136	98,388,226,366

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1/2012	Quý 1/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26,250,836,045	105,957,670,209
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,339,527,059	614,838,546
Các khoản dự phòng	03	(2,455,860,000)	(612,708,877)
(Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(12,929,633)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	-	(2,519,761,558)
Chi phí lãi vay	06	5,350,593,371	7,222,079,455
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30,472,166,842	110,662,117,775
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(475,936,263,612)	(149,387,368,499)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(15,174,497,490)	(47,026,567,938)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3,530,401,772	(92,734,234,924)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(1,144,818,052)	2,973,091,240
Tiền lãi vay đã trả	13	(5,350,593,371)	(4,985,199,094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6,471,133,911)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1,090,909
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(125,491,446,486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(470,074,737,822)	(305,988,517,017)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	-	(11,653,018,356)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	-	1,090,909
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	11,000,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	4,551,700,000	-
5. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	7,993,168,641	2,518,670,649
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12,544,868,641	1,866,743,202
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	594,906,909,616	775,561,940,509
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(110,511,348,086)	(607,369,894,288)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	484,395,561,530	168,192,046,221
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	26,865,692,349	(135,929,727,594)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	99,849,241,355	301,382,733,411
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	126,714,933,704	165,453,005,817

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2012 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và tiền thuê đất trả trước tại Vũng Tàu được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 7 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012 tăng 35.742.369 VND (năm 2010 tăng 9.597.492.912 VND) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 12.929.633 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng 22.812.736 VND) so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-DVTHDK-ĐHCD ngày 10 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	189,352,804	656,471,900
Tiền gửi ngân hàng	116,525,580,900	88,292,769,455
Các khoản tương đương tiền	10,000,000,000	10,900,000,000
	126,714,933,704	99,849,241,355

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV DV & Thương Mại DK (PST)	39,500,000,000	39,500,000,000
Công ty TNHH MTV DVTH Sài Gòn DK (PSG)	10,400,000,000	10,400,000,000
	<u>49,900,000,000</u>	<u>49,900,000,000</u>

Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Trading") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào Petrosetco Trading và Petrosetco Sài Gòn sẽ được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" - mã số 121 thay vì khoản mục "Đầu tư vào công ty con" - mã số 251 trên Bảng cân đối kế toán.

6. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV DV & Thương Mại DK (PST)	29,882,192,415	29,882,192,415
Công ty TNHH MTV DVTH Sài Gòn DK (PSG)	1,641,016,490	1,641,016,490
	<u>31,523,208,905</u>	<u>31,523,208,905</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	3,350,000,000	3,350,000,000
Lợi nhuận công ty con chuyển về (i)	4,497,760,834	95,310,843,650
Các dự án thực hiện cho Tập đoàn	-	20,594,053,615
Phải thu khác	480,766,120	592,987,509
	<u>8,328,526,954</u>	<u>119,847,884,774</u>

(i) Là khoản phải thu lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 03 năm 2012.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng hoá	99,297,029,446	84,122,531,956
Cộng	<u>99,297,029,446</u>	<u>84,122,531,956</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>99,297,029,446</u>	<u>84,122,531,956</u>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	49,525,657,390	4,851,134,554	5,843,394,810	3,829,263,147	64,049,449,901
Đầu tư XDCB hoàn thành	7,580,000,000	-	-	-	7,580,000,000
Điều chuyển	4,147,068,387	70,682,000	1,080,785,474	996,474,296	6,295,010,157
Tại ngày 31/03/2012	61,252,725,777	4,921,816,554	6,924,180,284	4,825,737,443	77,924,460,058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	27,308,352,545	2,398,405,868	2,088,678,457	1,537,748,175	33,333,185,045
Khấu hao trong năm	572,900,304	101,753,430	157,766,715	421,132,859	1,253,553,308
Điều chuyển	3,536,560,780	31,806,896	1,080,785,474	922,956,474	5,572,109,624
Tại ngày 31/03/2012	31,417,813,629	2,531,966,194	3,327,230,646	2,881,837,508	40,158,847,977
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/03/2012	29,834,912,148	2,389,850,360	3,596,949,638	1,943,899,935	37,765,612,081
Tại ngày 01/01/2012	22,217,304,845	2,452,728,686	3,754,716,353	2,291,514,972	30,716,264,856

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 là 15.934.638.390 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 8.604.929.573 VND).

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm tại Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.892.885.847 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.913.276.000 VND) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	100,112,600,381	511,063,888	100,623,664,269
Điều chuyển	-	56,358,000	56,358,000
Tại ngày 31/03/2012	100,112,600,381	567,421,888	100,680,022,269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	-	358,702,728	358,702,728
Khấu hao trong năm	-	85,973,751	85,973,751
Tại ngày 31/03/2012	-	444,676,479	444,676,479
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/03/2012	100,112,600,381	122,745,409	100,235,345,790
Tại ngày 01/01/2012	100,112,600,381	152,361,160	100,264,961,541

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	12,749,302,996	6,952,877,838
Tăng trong năm	4,779,959,720	23,999,383,298
Kết chuyển sang tài sản cố định	7,580,000,000	13,347,369,059
Giảm khác	-	4,855,589,081
Số dư cuối kỳ	9,949,262,716	12,749,302,996
Chi tiết theo công trình:		
	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9,949,262,716	12,749,302,996
Trong đó:		
Công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	9,226,692,045	12,026,732,325
Dự án 41D Vũng Tàu	31,579,510	31,579,510
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202,211,970	202,211,970
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	488,779,191	488,779,191

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Số tiền đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
	31/03/2012		
	VND	%	%
Công ty CP DV Phân phối TH DK (PSD)	113,700,000,000	95.50%	95.50%
Công ty TNHH MTV TM & DV Dk Biển (POTS)	31,681,662,678	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV DVTM DK Hà Nội (KSHN)	30,362,282,732	100.00%	100.00%
Công ty CP DVTH DK Vũng Tàu (PSV)	43,341,999,232	70.00%	70.00%
Công ty CP TMDV DK Miền Trung (PSMT)	95,230,000,000	89.00%	89.00%
Công ty CP QL & KT tài sản DK (PSA)	66,160,637,417	88.20%	88.20%
Công ty CP Bao bì DK Việt Nam (PSP)	20,400,000,000	51.00%	51.00%
Công ty TNHH 2TV Petrosetco - SSG (PSSSG)	9,985,163,997	51.00%	51.00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics DK Việt Nam (PSL)	-	60.00%	60.00%
Công ty CP Hội tụ Thông minh (Smartcom)	5,000,000,000	62.67%	63.14%
	415,861,746,056		

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư TP HCM cấp ngày 09 tháng 02 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 VND (mười tỷ đồng) trong đó Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) sở hữu 60% cổ phần, tương đương 6.000.000.000 VND (sáu tỷ đồng)

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí	16,500,000,000	16,500,000,000
Khách sạn Petrotower Vũng Tàu	14,359,957,249	14,359,957,249
	<u>30,859,957,249</u>	<u>30,859,957,249</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (PV-Building)	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ khách sạn

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung với số tiền là 112 tỷ VND tương đương 14% vốn điều lệ của Công ty này.

Theo Nghị quyết số 6481/NQ-DKVN ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thông qua chủ trương để Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil). Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục để chuyển nhượng phần vốn góp này cho PV Oil. Tuy nhiên, do không chắc chắn có thể chuyển nhượng được phần vốn góp vào PCB trong năm 2012 nên Ban Tổng Giám đốc vẫn quyết định trình bày khoản đầu tư này tại khoản mục “Đầu tư dài hạn khác”.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê văn phòng (i)	174,523,333,961	176,592,976,755
Chi phí trả trước khác	5,507,637,542	5,640,738,308
	<u>180,030,971,503</u>	<u>182,233,715,063</u>

(i) Là khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại CP Ngoại thương Việt Nam	45,969,476,301	41,283,178,771
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	480,000,000,000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>8,453,766,972</u>	<u>8,744,502,972</u>
	<u>534,423,243,273</u>	<u>50,027,681,743</u>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức phát hành tín dụng thư. Các khoản vay của Tổng Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với tổng hạn mức là 1.050 tỷ đồng theo hình thức tín chấp và không có tài sản đảm bảo. Lãi suất tiền vay được xác định theo lãi suất do ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận. Số dư các khoản vay tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 là 2.207.099,88 đô la Mỹ.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	5,434,184,000	5,434,184,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	11,348,670,555	11,348,670,555
	16,782,854,555	16,782,854,555

(i) Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền vay là 9.700.000.000 đồng để cải tạo, sửa chữa khách sạn Holiday Mansoon tại Vũng Tàu. Khoản vay này được thế chấp bằng bất động sản tại số 12 Trương Công Định, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

(ii) Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn 41 tỷ đồng với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn tối đa là sáu năm và sẽ được hoàn trả 6 tháng/lần sau thời gian ân hạn. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, số dư của khoản vay này là 18.930.229.527 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 7.581.558.972 đồng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300452060 điều chỉnh lần 09 ngày 09 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	31/03/2012		31/12/2011
	Số tiền	%	Số tiền
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	246,092,850,000	35.24	246,092,850,000
Các cổ đông khác	452,327,150,000	64.76	452,327,150,000
	698,420,000,000	100	698,420,000,000

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	21,375,272,138	(2,812,000,000)	9,620,305,648	37,527,327,643	192,065,688,583	1,084,555,534,313
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	246,067,524,280	246,067,524,280
Trích trong năm	-	-	12,303,376,214	-	-	23,994,781,301	-	36,298,157,515
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(111,297,279,400)	(111,297,279,400)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(6,338,605,990)	-	-	-	(6,338,605,990)
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	22,812,736	-	-	22,812,736
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(72,852,131,523)	(72,852,131,523)
Hoàn nhập chênh lệch tỉ giá	-	-	-	-	(9,620,305,648)	-	-	(9,620,305,648)
Tăng khác	-	-	-	-	-	4,095,315,000	-	4,095,315,000
Số dư tại ngày 31/12/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	33,678,648,352	(9,150,605,990)	22,812,736	65,617,423,944	253,983,801,940	1,170,931,021,283
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	22,577,735,136	22,577,735,136
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	(12,929,633)	-	-	(12,929,633)
Hoàn nhập chênh lệch tỉ giá	-	-	-	-	(22,812,736)	-	-	(22,812,736)
Số dư tại ngày 31/03/2012	698,420,000,000	128,358,940,301	33,678,648,352	(9,150,605,990)	(12,929,633)	65,617,423,944	276,561,537,076	1,193,473,014,050

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 31/03/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	470,623,832,923	284,222,203,357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22,940,621,563	15,609,712,714
	493,564,454,486	299,831,916,071

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	456,152,057,888	265,973,055,192
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4,695,294,031	3,537,626,361
	460,847,351,919	269,510,681,553

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14,820,789,227	21,734,200,676
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19,336,539	149,275,269
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7,993,168,641	-
Lãi bán ngoại tệ	-	210,828,648
Lợi nhuận từ các công ty con	4,392,587,366	21,321,548,519
	27,225,881,773	43,415,853,112

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5,350,593,371	7,222,079,455
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25,468,192	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(612,708,877)
	5,376,061,563	6,609,370,578

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý 1/2012	Quý 1/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	26,250,836,045	105,957,670,209
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>833,603,197</i>	<i>730,372,860</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	833,603,197	730,372,860
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>12,392,035,605</i>	<i>82,966,211,097</i>
- Thu nhập không chịu thuế	12,385,756,007	82,966,211,097
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6,279,598	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	14,692,403,637	23,721,831,972
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% x 50%</i>	<i>-</i>	<i>7,623,097,772</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<i>14,692,403,637</i>	<i>16,098,734,200</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,673,100,909	4,977,570,772
Thuế TN hoãn lại	-	2,591,873,071
Chi phí thuế thu nhập hiện hành phải nộp trong năm	3,673,100,909	7,569,443,843

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2012
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ